

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/DS-ST

Ngày: 10/5/2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH BẾN TRE**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Mưa Lớn

Ông Đoàn Văn Vui

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M: Bà Huỳnh Thị Châm – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 199/2022/TLST - DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST – DS ngày 06/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2023/QĐST-DS ngày 21/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Văn M, sinh năm 1969;

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện M, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M: anh Phan Văn D, sinh năm 1989; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1972; (*vắng mặt*)

Địa chỉ: khu phố P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1970; (*có mặt*)

Địa chỉ: khu phố P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/01/2022 của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Văn D trình bày:

Từ khoảng năm 2014 ông Trương Văn M có thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi heo, gà, vịt cho bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Huỳnh Văn H. Khi mua bán chỉ thỏa thuận miệng, khi nào có bán heo, gà, vịt thì thanh toán tiền cho từng lần bán. Ông M có lập sổ theo dõi khi giao nhận thức ăn; việc bà M ông H mua thức ăn chăn nuôi là để phát triển kinh tế gia đình. Đến tháng 5/2019 hai bên tổng kết nợ thì bà M và ông H còn nợ ông M số tiền mua thức ăn chăn nuôi là 78.905.000 đồng, bà M có ký tên xác nhận nợ. Sau khi tổng kết nợ thì hai bên vẫn còn tiếp tục mua bán thức ăn với nhau. Tính đến ngày 27/02/2020 ông H, bà M không thanh toán hết nợ cũ mà còn phát sinh thêm nợ mới 1.980.000 đồng. Từ tháng 02/2020 đến nay ông M nhiều lần yêu cầu bà M và ông H thanh toán số tiền còn nợ nhưng bà M và ông H không thanh toán. Do đó, ông M khởi kiện yêu cầu bà M và ông H liên đới trả số tiền còn nợ là 80.885.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tại đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 28/02/2023 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 10.885.000 đồng, chỉ yêu cầu bà M và ông H liên đới trả cho ông M số tiền thức ăn chăn nuôi còn thiếu là 70.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên không ghi nhận lời trình bày của bà M được.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/02/2023 và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Tuyết M. Trước đây ông có làm thuê cho ông Trương Văn M, nhiệm vụ của ông là đi giao thức ăn chăn nuôi cho khách hàng của ông M. Thời điểm đó ông M có đề nghị ông xây dựng chuồng trại để chăn nuôi thì ông M sẽ bao thức ăn cho ông đến khi hết đợt nuôi, heo, gà, vịt ra chuồng thì mới thanh toán tiền thức ăn và còn hứa sẽ bao tiêu cho ông vịt con giống và sẽ thu mua đầu ra của vịt cho vợ chồng ông. Do đó, vợ chồng ông tiến hành làm chuồng trại chăn nuôi, khoảng năm 2019-2020 heo bị dịch bệnh tả heo Châu Phi, giá heo xuống thấp, chăn nuôi thua lỗ ông M không hỗ trợ thức ăn chăn nuôi mà còn cắt thức ăn không tiếp tục giao cho ông bà nên dẫn đến việc ông bà chăn nuôi thua lỗ, còn nợ tiền thức ăn của ông M. Ngoài ra, ông M giao vịt giống cho ông đến khi nuôi lớn thì đa phần là vịt mái, giá trị bán không cao và ông M thất hứa không chịu thu mua đầu ra cho ông nên ông M đã có lỗi trong việc mua bán này. Sau khi ngừng mua bán thức ăn chăn nuôi với ông M, vợ ông là bà Nguyễn Thị Tuyết M có đến gặp ông M để đối chiếu số tiền còn nợ thì xác định còn nợ ông M hơn 70.000.000 đồng, số tiền chính xác ông không nhớ rõ. Trong giấy ghi tiền nợ không có tiêu đề do ông M cung cấp cho Tòa án có ghi chữ “Tuyết Mai” ông nhìn

ra đây là nét chữ của vợ ông. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông M, yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền 70.000.000 đồng ông không đồng ý trả, ông chỉ đồng ý trả 35.000.000 đồng, vì lý do ông M là người có lỗi trong việc hứa hẹn thỏa thuận chăn nuôi với ông. Ông M cũng hứa giao heo giống cho ông nuôi nhưng ông M cũng không có cung cấp cho ông. Ông xác định việc chăn nuôi này của vợ chồng ông là để phát triển kinh tế gia đình.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn M, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông M số tiền thức ăn chăn nuôi còn thiếu là 70.000.000 đồng, ghi nhận việc ông M không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần phải giải quyết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán” được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015 Và căn cứ vào khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Thẩm quyền xét xử: Theo xác nhận của Công an xã Phước Mỹ Trung nay là thị trấn Phước Mỹ Trung xác nhận bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Huỳnh Văn H có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại thị trấn Phước Mỹ Trung, huyện M, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

[3] Về nội dung vụ án:

Theo trình bày của nguyên đơn thì vào khoảng năm 2014 giữa ông M với vợ chồng bà M và ông H có thỏa thuận với nhau về việc mua bán thức ăn chăn nuôi (heo, gà, vịt), việc mua bán này chỉ thỏa thuận miệng không có lập thành văn bản nhưng có lập sổ theo dõi thức ăn. Ông H thừa nhận trước đây ông có mua thức ăn

chăn nuôi của đại lý ông Trương Văn M (thời gian cụ thể bắt đầu mua bán ông không nhớ rõ) nhưng cả ông M và ông H đều trình bày thống nhất về khoảng thời gian hai bên ngừng việc mua bán thức ăn chăn nuôi với nhau là năm 2020. Sau khi hai bên ngừng mua bán giao dịch với nhau thì có tiến hành đối chiếu, chốt nợ với nhau. Ông H (chồng bà M – bị đơn) khai rằng bà M có tiến hành chốt nợ với ông M và còn nợ ông M khoảng 70.000.000 đồng nhưng số tiền chính xác là bao nhiêu thì không nhớ rõ. Điều này cũng phù hợp với chứng cứ là giấy theo dõi số tiền thức ăn còn nợ không có tiên đề, dòng đầu tiên thể hiện số tiền “62.341.000” do nguyên đơn cung cấp. Tại giấy này có hai chữ “Tuyệt Mai” mà ông H thừa nhận đây là chữ viết của vợ ông.

Tại phiên tòa, ông H cũng thừa nhận vợ chồng ông còn nợ ông M số tiền thức ăn chăn nuôi là hơn 70.000.000 đồng nhưng ông cho rằng việc ông nợ tiền của ông M là do ông M có lỗi, ông M hứa sẽ cung cấp thức ăn chăn nuôi cho gia đình ông thì ông mới xây dựng chuồng trại chăn nuôi nhưng giữa chừng ông M tự ý ngừng cung cấp thức ăn chăn nuôi khiến cho heo ông đang nuôi thiếu thức ăn, làm cho ông thua lỗ. Đồng thời, ông M ban đầu hứa sẽ giao con giống và sẽ thu mua vịt khi xuất chuồng cho ông nhưng ông M cũng không thực hiện, nên dẫn đến việc chăn nuôi của ông thua lỗ, mất khả năng thanh toán. Do đây là lỗi của ông M nên ông chỉ đồng ý trả cho ông M $\frac{1}{2}$ số tiền mà ông M yêu cầu vợ chồng ông phải trả là 35.000.000 đồng, ông M đã làm cho gia đình ông bị thiệt hại trong việc chăn nuôi này.

Hội đồng xét xử thấy rằng, thực tế giữa ông M với vợ chồng bà M, ông H có phát sinh giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi với nhau. Nguyên đơn ông M (bên bán) đã hoàn thành nghĩa vụ cung cấp thức ăn chăn nuôi cho bị đơn bà M và ông H (bên mua) nhưng vợ chồng bà M và ông H chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán tiền thức ăn chăn nuôi cho bên bán gây thiệt hại cho bên bán. Đồng thời, tại phiên tòa sơ thẩm ông H cũng thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền hơn 70.000.000 đồng, đây là tình tiết không cần phải chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án, ông M có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu vợ chồng bà M và ông H trả số tiền 70.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ông H cho rằng việc ông M không tiếp tục cung cấp thức ăn chăn nuôi cho ông đã gây thiệt hại cho việc chăn nuôi của gia đình nên ông chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn $\frac{1}{2}$ số tiền còn thiếu là 35.000.000 đồng. Ông H không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày này nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày này của ông H.

Thấy rằng, bà M và ông H là vợ chồng, cùng đồng lòng mua thức ăn chăn nuôi của ông M, việc mua thức ăn chăn nuôi để chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình của vợ chồng bà M, ông H nhưng bà M và ông H không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên mua làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bên bán. Do đó, cần

chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà M và ông H liên đới trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 70.000.000 đồng.

[6] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện M là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[7] Do bà M và ông H là người phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.500.000 đồng đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn M.

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Huỳnh Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trương Văn M số tiền 70.000.000 đồng.

Ghi nhận ông Trương Văn M tự nguyện không yêu cầu tính lãi đối với số tiền bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Huỳnh Văn H có nghĩa vụ hoàn trả.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Huỳnh Văn H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.500.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Trương Văn M số tiền tạm án phí đã nộp là 2.022.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000585 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

[3] Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh B;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Cao Thanh Minh